



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.5113.655.886; Fax: 84.5113.655887
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.83.910.2235; Fax: 84.83.910.2349

Số: /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0102/KTV

Trần Thị Phương Lan

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0396/KTV

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi thứ 3 vào ngày 07/04/2008.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng

Vốn đầu tư thực tế đến ngày 31/12/2009: 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà Xuất bản Giáo dục là 38,55 %.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511.3886497
- Fax: (84) 0511.3887793

Ngành nghề kinh doanh chính

- Liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác, in và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng làm việc, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

Nhân sự

Tổng số nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 26 người. Trong đó, nhân viên quản lý 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Bá Vân | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Ông Phạm Nhiều | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- | | | |
|--------------------------|---------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Thế Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Ông Huỳnh Hoàng Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Phạm Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Ông Đặng Lê | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Ông Trần Thanh Thuận | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Phạm Nhiều | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Thế Dũng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Nhiều

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.061.099.941	28.648.201.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		989.292.360	749.454.206
1. Tiền	111	5	989.292.360	749.454.206
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		14.085.161.596	11.617.296.483
1. Phải thu khách hàng	131		14.445.305.181	11.802.922.068
2. Trả trước cho người bán	132		10.523.200	83.454.140
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(370.666.785)	(269.079.725)
IV. Hàng tồn kho	140		21.240.452.257	15.707.134.322
1. Hàng tồn kho	141	6	22.755.185.868	17.425.138.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.514.733.611)	(1.718.003.684)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		746.193.728	574.316.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	676.026.728	432.668.896
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	70.167.000	141.648.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.847.086.148	14.789.268.976
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.515.834.367	5.488.475.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.015.434.367	3.988.075.714
- Nguyên giá	222		4.893.400.670	4.562.949.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(877.966.303)	(574.873.619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.600.355.360	1.365.135.360
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		1.684.535.360	1.532.285.360
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(84.180.000)	(167.150.000)
V. Đầu tư dài hạn khác	260		3.730.896.421	7.935.657.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.730.896.421	7.935.657.902
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47.908.186.089	43.437.470.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

		số	minh	VND	VND
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.075.674.063	25.371.893.586
I.	Nợ ngắn hạn	310		12.862.964.430	11.790.478.256
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	13	3.000.000.000	2.000.000.000
2.	Phải trả cho người bán	312		7.309.410.707	8.245.789.152
3.	Người mua trả tiền trước	313		3.473.825	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	869.916.788	109.162.420
5.	Phải trả người lao động	315		374.650.374	356.161.644
6.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.305.512.736	1.079.365.040
II.	Nợ dài hạn	330		16.212.709.633	13.581.415.330
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		16.160.032.801	13.525.738.498
2.	Phải trả dài hạn khác	333		34.000.000	37.000.000
3.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		18.676.832	18.676.832
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.832.512.026	18.065.577.297
I.	Vốn chủ sở hữu	410	16	18.410.637.615	17.624.361.957
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	14.986.800.000	14.986.800.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417	16	1.447.398.806	1.113.490.376
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418	16	653.465.786	491.159.972
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	1.322.973.023	1.032.911.609
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		421.874.411	441.215.340
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		421.874.411	441.215.340
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.908.186.089	43.437.470.883

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	17	55.908.375.861	50.602.712.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	91.108.058	210.294.397
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	17	55.817.267.803	50.392.418.228
4. Giá vốn hàng bán	11	18	45.060.400.566	40.175.249.558
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.756.867.237	10.217.168.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	109.303.242	254.393.018
7. Chi phí tài chính	22	20	139.218.465	543.982.137
- Trong đó: Lãi vay	23		199.050.697	353.547.489
8. Chi phí bán hàng	24		2.617.936.166	2.353.118.847
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.839.261.267	3.422.366.806
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.269.754.581	4.152.093.898
11. Thu nhập khác	31	21	112.090.909	6.603.087
12. Chi phí khác	32	22	909.091	50.154.710
13. Lợi nhuận khác	40		111.181.818	(43.551.623)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	4.380.936.399	4.108.542.275
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	779.119.670	604.461.358
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	23	3.601.816.729	3.504.080.917
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.403	3.072

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		53.456.202.614	51.493.359.531
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(48.749.524.926)	(49.730.086.362)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.925.772.557)	(1.513.617.550)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(199.050.697)	(353.547.489)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(14.235.311)	(666.828.651)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.861.938.808	1.368.707.514
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.737.065.374)	(2.034.995.876)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.692.492.557	(1.437.008.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(407.604.464)	(1.181.798.398)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		99.090.909	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(350.000.000)	(771.740.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		218.233.500	63.270.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		85.777.652	205.266.763
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(354.502.403)	(1.685.001.635)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	8.486.800.000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.000.000.000	4.160.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.000.000.000)	(8.160.000.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.098.152.000)	(2.173.944.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.098.152.000)	2.312.856.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		239.838.154	(809.154.518)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		749.454.206	1.558.608.724
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		989.292.360	749.454.206

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02 tháng 04 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi thứ 3 vào ngày 07/04/2008.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng (thời hạn thuê) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian thuê đất.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra. Chi phí tổ chức bản thảo được phân bổ trong 3 năm theo hợp đồng in.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế (sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam) được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý 4/2008 và năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.
- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block, 5% đối với các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa, các mặt hàng còn lại thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	42.376.831	21.393.347
Tiền gửi ngân hàng	946.915.529	728.060.859
Cộng	989.292.360	749.454.206

6. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.875.302.649	1.196.624.484
Công cụ, dụng cụ	11.823.809	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.741.403.255	1.111.321.523
Thành phẩm	13.118.121.532	15.112.019.184
Hàng hóa	8.534.623	5.172.815
Cộng giá gốc hàng tồn kho	22.755.185.868	17.425.138.006

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	676.026.728	432.096.375
Tiền chế xuất phim bìa sách	-	572.521
Cộng	676.026.728	432.668.896

Công ty phân bổ tiền chế xuất phim bìa sách theo từng đầu sách cụ thể.

8. Tài sản ngắn hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	70.167.000	141.648.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	70.167.000	141.648.000

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.682.430.316	53.091.070	745.501.829	81.926.118	4.562.949.333
Mua sắm trong năm	15.165.803	-	369.553.381	22.885.280	407.604.464
T/lý, nhượng bán	-	-	77.153.127	-	77.153.127
Số cuối năm	3.697.596.119	53.091.070	1.037.902.083	104.811.398	4.893.400.670
Khấu hao					
Số đầu năm	144.815.062	53.091.070	325.179.843	51.787.644	574.873.619
Khấu hao trong năm	148.262.628	-	193.994.760	37.988.423	380.245.811
T/lý, nhượng bán	-	-	77.153.127	-	77.153.127
Số cuối năm	293.077.690	53.091.070	442.021.476	89.776.067	877.966.303
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.537.615.254	-	420.321.986	30.138.474	3.988.075.714
Số cuối năm	3.404.518.429	-	595.880.607	15.035.331	4.015.434.367

Nguyên giá Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 200.817.968 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá: 1.500.400.000 đồng tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng	31/12/2009	Số lượng	31/12/2008
--	----------	------------	----------	------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

		VND		VND
Đầu tư cổ phiếu	149.594	1.684.535.360	127.374	1.532.285.360
- Công ty Cổ phần Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục(i)	55.294	638.871.360	63.074	759.251.360
- Công ty Cổ phần Sách TBTH Thành phố HCM	39.300	453.360.000	34.300	530.730.000
- Công ty Cổ phần In Quảng Nam(ii)	30.000	242.304.000	30.000	242.304.000
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng(ii)	35.000	350.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (iii)		(84.180.000)		(167.150.000)
Cộng	149.594	1.600.355.360	127.374	1.365.135.360

(i) Trong năm, Công ty nhận được cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục với số lượng 2.220 cổ phiếu.

(ii) Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2009 của Công ty cổ phần in Quảng Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng đều có lỗi. Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

(iii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần Sách thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2009 tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí tổ chức bàn thảo	3.730.896.421	7.935.657.902
Chi phí khác	-	-
Cộng	3.730.896.421	7.935.657.902

Công ty phân bổ chi phí tổ chức bàn thảo trong 3 năm theo hợp đồng in.

13. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	3.000.000.000	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	3.000.000.000	2.000.000.000

Các hợp đồng vay cụ thể như sau:

Hợp đồng vay số 07/2009/HĐ ngày 23/07/09, số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 10%/năm.

Hợp đồng vay số 08/2009/HĐ ngày 26/08/09, số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 10%/năm.

Hợp đồng vay số 09/2009/HĐ ngày 23/10/09, số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 10,3%/năm.

Hợp đồng vay số 10/2009/HĐ ngày 25/11/2009, số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 10,3%/năm.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.917.345	7.483.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	779.119.670	14.235.311
Thuế thu nhập cá nhân	86.879.773	87.443.137
Cộng	869.916.788	109.162.420

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	5.272.791	1.886.445
Bảo hiểm xã hội	4.360.800	-
Bảo hiểm y tế	1.354.717	218.595
Cổ tức phải trả	1.198.944.000	1.049.076.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.580.428	28.184.000
Cộng	1.305.512.736	1.079.365.040

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn của chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2008	6.500.000.000	500.852.604	345.498.214	1.988.712.760	9.335.063.578
Tăng trong năm	8.486.800.000	612.637.772	145.661.758	3.545.071.790	12.790.171.320
Giảm trong năm				4.500.872.941	4.500.872.941
Số dư tại 31/12/2008	14.986.800.000	1.113.490.376	491.159.972	1.032.911.609	17.624.361.957
Số dư tại 01/01/2009	14.986.800.000	1.113.490.376	491.159.972	1.032.911.609	17.624.361.957
Tăng trong năm		333.908.430	163.395.415	3.623.608.753	4.120.912.598
Giảm trong năm			1.089.601	3.333.547.339	3.334.636.940
Số dư tại 31/12/2009	14.986.800.000	1.447.398.806	653.465.786	1.322.973.023	18.410.637.615

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục	5.777.610.000	6.277.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	9.209.190.000	8.709.190.000
Cộng	14.986.800.000	14.986.800.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.986.800.000	14.986.800.000
- Vốn góp đầu năm	14.986.800.000	6.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	8.486.800.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	14.986.800.000	14.986.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

31/12/2009

31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu thường	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu thường	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (ĐVT: 10.000VND)		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.032.911.609	1.988.712.760
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.601.816.729	3.504.080.917
Tăng lợi nhuận do giảm chi phí phân bổ CCDC năm 2007 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 05/09/2008	-	40.990.873
Tăng lợi nhuận do giảm trích lập các quỹ năm 2008 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 02/04/2009	21.792.024	-
Giảm Quỹ dự phòng tài chính	1.089.601	-
Giảm Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.089.601	-
Giảm Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.612.822	-
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	3.333.547.339	4.500.872.941
Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ lợi nhuận sau thuế được miễn	333.908.430	612.637.772
Quỹ dự phòng tài chính	163.395.415	145.661.758
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	163.395.415	145.661.758
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	424.828.079	373.891.653
Chia cổ tức	2.248.020.000	3.223.020.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.322.973.023	1.032.911.609

Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 02/04/2009. Theo đó, lợi nhuận sau thuế sau khi trừ thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm (dùng tăng Quỹ đầu tư phát triển) được phân phối như sau :

- ✓ Trích Quỹ dự phòng tài chính : 5%
- ✓ Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành : 5%
- ✓ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 13%
- ✓ Chia cổ tức : 15%

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	50.602.712.625	50.602.712.625
+ Doanh thu sách giáo khoa	169.558.400	119.125.700
+ Doanh thu sách tham khảo	51.451.684.032	47.034.041.138
+ Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	4.084.170.766	3.401.923.061
+ Doanh thu khác	202.962.663	47.622.726
Các khoản giảm trừ doanh thu	91.108.058	210.294.397
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	91.108.058	210.294.397
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	55.817.267.803	50.392.418.228

18. Giá vốn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn sách giáo khoa	156.370.525	109.860.367
Giá vốn sách tham khảo	41.233.697.054	36.517.249.526
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	3.687.316.287	3.152.956.244
Giá vốn hoạt động khác	186.286.773	35.271.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(203.270.073)	359.911.981
Cộng	45.060.400.566	40.17.249.981

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.253.652	39.847.763
Lãi bán cổ phiếu	20.483.500	47.286.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.524.000	165.419.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.042.090	1.840.255
Cộng	109.303.242	254.393.018

20. Chi phí hoạt động tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	199.050.697	353.547.489
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	23.137.768	23.284.648
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(82.970.000)	167.150.000
Cộng	139.218.465	543.982.137

21. Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ bán tài sản cố định	100.000.000	-
Thu nhập từ bán thanh lý công cụ dụng cụ	12.090.909	3.818.181
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	2.784.906
Cộng	112.090.909	6.603.087

22. Chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thẩm định bán tài sản cố định	909.091	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	50.154.710
Cộng	909.091	50.154.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.380.936.399	4.108.542.275
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	71.176.000	(37.859.403)
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	103.700.000	127.559.597
+ Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	48.400.000	47.784.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	55.300.000	79.775.597
Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	32.524.000	165.419.000
Tổng thu nhập chịu thuế	4.452.112.399	4.070.682.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.113.028.100	1.139.791.204
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)	333.908.430	612.637.772
+ Theo công văn 5248/TC-CST	-	569.895.602
+ Theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP	333.908.430	42.742.170
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (phải nộp)	779.119.670	527.153.432
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	77.307.926
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.601.816.729	3.504.080.917

(@) Công ty được giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm 2008 theo chế độ ưu đãi cho các tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán Hà Nội quy định tại công văn 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 của Bộ tài chính

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý 4/2008 và năm 2009 theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ. Toàn bộ số thuế được giảm Công ty dùng để bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số liệu được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.601.816.729	3.504.080.917
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.601.816.729	3.504.080.917
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.140.607
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.403	3.072

25. Cổ tức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trong năm, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức với tỷ lệ 14% (trong đó cổ tức đợt 2 năm 2008 là 7% và cổ tức đợt 1 năm 2009 là 7%).
- Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã công bố cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 8%. Theo đó, ngày 25/02/2010 là ngày đăng ký cuối cùng, thời gian trả cổ tức dự kiến là ngày 18/03/2010.

26. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm 2009

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	Năm 2009 VND
Bán hàng		24,228,651,930
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	5,006,888
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	647,782,595
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư	112,288
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	5,860,967,117
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	17,526,434,232
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư	188,348,810
Mua nguyên vật liệu		21,020,240,285
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	966,884,000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	967,919,554
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	353,799,162
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư	1,859,992,990
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	2,302,709,730
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5,249,804,784
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư	952,684,350
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	964,713,052
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1,493,044,116
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5,908,688,547

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày khóa sổ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Mối quan hệ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	-	10,965,383,604
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	-	1,155,899,385
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	26,639,938	-
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư	-	137,847,702
Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1,626,149,191	-
Công ty cổ phần SGD tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	4,882,489,454	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư	-	310,017,708
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	97,519,052
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	737,654,114
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	3,313,002,667
Cộng		<u>6,535,278,583</u>	<u>16,717,324,232</u>

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phạm Nhiêu

Nguyễn Thị Minh Tâm

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2010